

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 19-9-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hường
2. Ông Nguyễn Văn Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977

Đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1971 (*Anh Th đang có sổ điều trị ngoại trú tâm thần: bệnh động kinh*)

Người đại diện hợp pháp cho anh Th: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1969 (là chị gái ruột của anh Th)

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(*Tại phiên tòa có mặt chị D; anh Th và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Th do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/5/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th thường xuyên đánh chửi chị vì những lý do vô cớ trong sinh hoạt gia đình. Bản thân anh Th thích ăn ngon mặc đẹp nhưng lười lao động, một mình chị phải đi làm nuôi cả gia đình. Do không thể chịu đựng được nên đến năm 2010 chị đã bỏ đi làm ăn và đi về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn C, xã Đ cho đến nay. Chị và anh Th đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay không quan tâm đến nhau, không liên lạc với nhau. Chị có về thăm con thì anh Th đánh đuổi không cho chị thăm con. Chị thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh Th được nữa nên xin ly hôn anh Th.

Chị và anh Th có 03 con chung là Đỗ Xuân D, sinh ngày 24/01/2001; Đỗ Xuân G, sinh ngày 17/4/2005 và Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 23/5/2010. Hiện cả 03 con chung vẫn ở cùng với anh Th và gia đình nhà chồng từ trước đến nay. Quá trình chung sống với anh Th thì chị không thấy anh Th có biểu hiện bị tâm thần. Song hiện tại anh Th đang điều trị bệnh tâm thần nên chị đề nghị Toà án giao cả ba con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có trách nhiệm và cố gắng nuôi dưỡng các con chung tiếp tục ăn học trưởng thành; bảo ban các con thường xuyên quan tâm đến anh Th. Chị không yêu cầu anh Th phải góp cấp D nuôi 03 con chung. Trường hợp con lớn là Đỗ Xuân D nếu có nguyện vọng ở với anh Th thì chị cũng đồng ý để anh Th nuôi dưỡng con D vì con D sắp đủ tuổi trưởng thành, ngoài việc đi học con D còn phụ giúp bố việc nhà trong gia đình. Chị và anh Th không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị D khai chị và anh Th không có tài sản gì chung, không có khoản nợ chung nào. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn là anh Đỗ Văn Th hiện đang có sở điều trị ngoại trú tâm thần (bệnh động kinh) nhưng vẫn nhận thức được hành vi nên tại biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Th đã trình bày ý kiến nhất trí ly hôn với chị D vì chị D đã bỏ anh đi gần 10 năm nay không chung sống cùng với anh. Anh Th khai hiện anh đang nuôi dưỡng cả 03 con chung của anh với chị D nên anh xin nuôi dưỡng cả 03 con sau khi ly hôn và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản anh và chị D không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nào. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Người đại diện hợp pháp cho anh Th là chị Đỗ Thị H đã có lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt với nội dung trình bày như sau: Anh Th bị mắc bệnh động kinh thỉnh thoảng lên cơn co giật nhưng vẫn nhận thức và làm chủ được hành vi. Anh Th không lao động được và hàng tháng anh Th vẫn lĩnh thuốc tại trạm y tế xã Đồng Tiến và được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng là 405.000 đồng/tháng. Anh Th và chị D có 03 con chung nhưng chị D đã bỏ nhà đi từ năm 2010 đến nay. Từ đó 03 con chung của chị D anh Th đều do bà nội cùng các chị gái của anh Th nuôi dưỡng. Chị H và gia đình anh Th có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng cả 03 con chung của anh Th, chị D cho

đến khi các cháu trưởng thành và yêu cầu chị D có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Giữa anh Th và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị D được ly hôn anh Th; về quan hệ con chung cần giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Xuân D; giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Xuân G và Đỗ Thị Thu H. Chị D không yêu cầu anh Th phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung là G và H; hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Văn Th xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị D vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Th lười lao động và thường xuyên đánh chửi chị. Năm 2010 do không thể chịu đựng được anh Th nữa nên chị đã bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh Th và người đại diện hợp pháp cho anh Th cũng xác nhận việc vợ chồng anh Th chị D đã ly thân gần 10 năm nay. Xét mâu thuẫn giữa chị D, anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh Th là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét việc nuôi dưỡng con chung của chị D, anh Th, thấy: Ba con chung đang ở cùng anh Th và gia đình anh Th nhiều năm nay. Mặc dù anh Th bị mắc bệnh tâm thần từ năm 2015 cho đến nay và qua xác minh anh Th không có khả năng lao động nhưng vẫn nhận thức được hành vi; vẫn tự chăm sóc được bản thân và quan tâm đến con cái. Con lớn là Đỗ Xuân D, sinh ngày 24/01/2001 năm nay đã 17 tuổi và có nguyện vọng ở với anh Th. Chị D cũng nhất trí để con D ở cùng anh Th để phụ giúp, đỡ đần cho anh Th trong sinh hoạt gia đình. Do đó, cần giao con D cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Xuân G, sinh ngày 17/4/2005 và Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 23/5/2010. Chị D và anh Th không phải góp cấp dưỡng nuôi chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Chị D, anh Th và người đại diện hợp pháp cho anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Xuân D, sinh ngày 24/01/2001; giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Xuân G, sinh ngày 17/4/2005 và Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 23/5/2010. Chị D và anh Th không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003693 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn Th và người đại diện hợp pháp cho anh Th là chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND xã Đ, H. Quỳnh Phụ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng